|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP****VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHCN CỦA BỘ**

**I. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**1. Những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện Thông tư 18/2015/TT-BNNPTNT và yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện**

***1.1. Về phạm vi điều chỉnh Thông tư 18 chưa điều chỉnh hết các nhiệm vụ KHCN thuộc thẩm quyền của Bộ quản lý***

- Thông tư 18 chỉ quy định quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Bộ gồm: Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ.

- Khi triển khai thực hiện Thông tư 18 gặp những khó khăn, bất cập sau:

(i) Hiện còn 05 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ nữa chưa được quy định trong Thông tư 18 (theo Nghị định 08/2014/NĐ-CP) gồm: (i) Đề án khoa học cấp bộ, (ii) Dự án khoa học và công nghệ cấp bộ, (iii) Chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, (iv) Nhiệm vụ thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen, (v) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ.

(ii) Bộ hiện quản lý một số Chương trình KHCN cấp quốc gia, Chương trình CN sinh học nông nghiệp và thủy sản, Chương trình Công nghệ cao trong nông nghiệp, Chương trình KHCN phục vụ xây dựng nông thôn mới, Chương trình Sản phẩm quốc gia,… Việc quản lý được thực hiện theo các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ. Thực tế triển khai cụ thể các nhiệm vụ KHCN thuộc các Chương trình thì một số hoạt động được thực hiện như nhiệm vụ KHCN cấp Bộ như: đề xuất đặt hàng, kiểm tra trong quá trình thực hiện, đánh giá nghiệm thu,...; sự tham gia của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo các Tổng cục, Cục, chuyên gia thuộc lĩnh vực nông nghiệp trong vào các hoạt động Hội đồng. Vì vậy cần phải đưa một số quy định vào quản lý các loại nhiệm vụ này.

(iii) Hiện nay đề xuất các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia có liên quan đến ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do các Bộ, ngành khác quản lý; thực hiện là các tổ chức khoa học công nghệ thuộc Bộ. Do chưa có quy định nên việc đề xuất đặt hàng của Bộ gửi các Bộ, ngành chưa thống nhất đầu mối ký, quy trình thực hiện; một số nhiệm vụ chưa đúng trọng tâm, trùng lắp, chất lượng đặt hàng chưa tốt dẫn đến sản phẩm đầu ra thiếu tính ứng dụng.

(iv) Bộ có Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành (Quyết định số 545/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/2/2016). Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch là Lãnh đạo các Tổng cục, Cục; các thành viên là nhà khoa học có trình độ, chuyên môn phù hợp, doanh nghiệp và địa phương thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ KHCN. Tuy nhiên tiêu chí, nhiệm vụ và gắn trách nhiệm của Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành đối với nhiệm vụ KHCN của ngành chưa rõ, chưa sử dụng hiệu quả hoạt động của các Hội đồng này.

Vì vậy cần bổ sung Phạm vi điều chỉnh của Thông tư cho phù hợp.

***1.2. Quy định về tổ chức KHCN thực hiện nhiệm vụ KHCN chưa phù hợp với Luật KHCN và các văn bản hướng dẫn thi hành***

Theo Luật KH&CN 2013, Nghị định 08, Thông tư 10//2014/TT-BKHCN của Bộ KHCN quy định tuyển chọn nhiệm vụ KHCN và Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC của Bộ KHCN và Bộ Tài chính về quy định khoán chi nhiệm vụ KHCN, Tổ chức KHCN được giao thực hiện nhiệm vụ KHCN được gọi là ***“Tổ chức chủ trì”***;

Theo quy định giao dự toán hiện nay, Bộ thực hiện theo Quyết định số 4889/QĐ-BNN-TC ngày 03/12/2020, theo hướng ***“phân bổ dự toán thu, chi năm kế hoạch đến từng nhiệm vụ và từng đơn vị sử dụng ngân sách”.***

Trong khi các Tổ chức KHCN trực thuộc Bộ lại gồm có Viện xếp hạng đặc biệt, Viện (Viện nghiên cứu và Viện quy hoạch), Học Viện, Trường,… cơ cấu tổ chức của các tổ chức này thường có từ 2 cấp (cấp II là Viện, Cấp III là Trung tâm thuộc Viện) hoặc 3 cấp (cấp II là Viện xếp hạng đặc biệt, Học Viện, Trường; cấp III là Viện thuộc cấp II; cấp IV là Trung tâm thuộc cấp III).

Vậy quy định Tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN như thế nào cho đúng quy định pháp luật; giao nhiệm vụ, gắn trách nhiệm đối với từng cấp này như thế nào cho phù hợp: đúng quy định pháp luật; không phát sinh các thủ tục hành chính, tạo điều kiện để tổ chức chủ trì thực hiện tốt nhất nhiệm vụ KHCN; bảo đảm phối hợp nhịp nhàng, đúng trach nhiệm, hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động KHCN là rất cần thiết.

***1.3. Về phân cấp quản lý nhiệm vụ KHCN còn nhiều bất cập***

*1.3.1. Phân cấp tại cơ quan quản lý*

Thông tư 18 phân cấp: (i) Giao các Tổng cục, Cục thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng Danh mục nhiệm vụ KHCN; (ii) Phân cấp Tổng cục quản lý một số nhiệm vụ KHCN sau khi được Bộ phê duyệt (gồm các hoạt động: Phê duyệt thuyết minh, ký hợp đồng, kiểm tra quá trình thực hiện, đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng). Trong quá trình thực hiện đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập sau:

*(i) Về phân cấp các Tổng cục, Cục việc thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng Danh mục nhiệm vụ KHCN*

- Một số Tổng cục, Cục thành lập Hội đồng với thành phần Hội đồng chủ yếu là lãnh đạo và chuyên viên thuộc đơn vị (không theo quy định tại Thông tư 18); cơ sở xây dựng Danh mục chính từ đề xuất từ các Viện, Trường, địa phương, doanh nghiệp (do Vụ KHCN&MT tổng hợp gửi); việc lựa chọn Danh mục chủ yếu phục vụ trực tiếp cho quản lý và giải quyết các vấn đề phát sinh đột xuất của đơn vị, đôi khi do yếu tổ chủ quan; chưa bám vào chiến lược phát triển KHCN phục vụ lĩnh vực, ngành, thiếu đinh hướng các vấn đề ưu tiên, phân tán…

- Danh muc đề xuất thường nhiều và dàn trải, trùng lắp với các nhiệm vụ đã và đang triển khai; do chất lượng Hội đồng không đảm bảo yêu cầu nên Danh mục thường mới chỉ dừng lại ở các vấn đề cần giải quyết, tên và mục tiêu và đặc biệt là các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đặt hàng chưa đáp ứng yêu cầu đối với một nhiệm vụ KHCN cấp Bộ.

- Thời gian xây dựng Danh mục thường kéo dài, theo quy định Thông tư 18 là 20 ngày phải hoàn thiện, tuy nhiên các đơn vị triển khai đều chậm nhiều so với quy định.

Do số lượng, chất lượng xây dựng Danh mục đặt hàng của một số Tổng cục, Cục chưa đáp ứng yêu cầu nên khi trình Lãnh đạo Bộ phải họp nhiều lần (ít cũng phải 2 lần, một số lĩnh vực còn nhiều hơn như Trồng trọt – BVTV,…) mất rất nhiều thời gian.

Theo quy định phải có Quyết định phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN trước 30/6 (để Bộ KH&CN, Bộ Tài chính căn cứ bố trí kinh phí), tuy nhiên thực tế do các bước đều bị chậm nên kéo dài đến tháng 12 mới có Quyết định, ảnh hưởng rất nhiều đến việc bố trí kinh phí và bảo vệ kinh phí trước Bộ KH&CN, Bộ Tài chính.

*(ii) Về phân cấp các Tổng cục quản lý một số nhiệm vụ KHCN sau khi được Bộ phê duyệt (gồm các hoạt động: Phê duyệt thuyết minh, ký hợp đồng, kiểm tra quá trình thực hiện, đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng).*

- Phân cấp là thêm cấp hành chính trung gian ***(thành 2 cấp hành chính)*** đã phát sinh rất nhiều thủ tục hành chính, không tạo điều kiện thuận lợi chủ động cho tổ chức chủ trì thực hiện, không đạt được hiệu quả như mong muốn. Đa số các Tổng cục thành lập Hội đồng hoặc Tổ thẩm định để thẩm định lại Thuyết minh (trong khi đã có Hội đồng và Tổ thẩm định với các thành viên có sự tham gia của Tổng cục, Thuyết minh đã được đơn vị tiếp thu ý kiến của Hội đồng và Tổ thẩm định để hoàn thiện trình Bộ phê duyệt tên, mục tiêu, sản phẩm và kinh phí) mất rất nhiều thời gian của Tổng cục, Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm, dẫn đến thời gian phê duyệt kéo dài (một số nhiệm vụ KHCN từ tháng 3 đến tháng 5 của năm kế hoạch mới hoàn thành); báo cáo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nhiều cấp; thành phần tham gia kiểm tra, giám sát nhiều do có các đơn vị chức năng của Tổng cục cùng tham gia,…

- Phân cấp không thống nhất trong quản lý: Bộ có 7 lĩnh vực, trong đó chỉ có 3 lĩnh vực được phân cấp quản lý cho 04 Tổng cục, riêng lĩnh vực Thủy lợi-Thiên tai phân cấp cho 02 Tổng cục. Bên cạnh đó, số lượng các Đề tài lĩnh vực có Tổng cục hàng năm mở mới lại ít (chỉ từ 6-8 nhiệm vụ) thì lại chia nhỏ cho 02 đơn vị (Vụ KHCN&MT và Tổng cục) hoặc 03 đơn vị (Vụ KHCN&MT, Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục PCTT), trong khi lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật hàng năm mở mới từ 15-20 nhiệm vụ nhưng chỉ Vụ KHCN&MT quản lý và vẫn bảo đảm yêu cầu tiến độ và chất lượng.

- Kinh phí quản lý nhiệm vụ: Hàng năm phải bố trí kinh phí KHCN cho các Tổng cục để thực hiên các hoạt động quản lý, trung bình tính trên đầu nhiệm vụ khoảng từ 100 - 120 triệu/1 nhiệm vụ KHCN, trong khi đó Vụ KHCN&MT quản lý chỉ từ 40 – 50 triệu/1 nhiệm vụ KHCN; như vậy là không hiệu quả, lãng phí.

- Công tác tổng hợp, báo cáo kết quả 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo trung hạn, báo cáo đột xuất mất rất nhiều thời gian; một số Tổng cục có báo cáo, một số không, nội dung báo cáo không đáp ứng yêu cầu (chủ yếu báo cáo chỉ đạo điều hành), cuối cùng lại phải gọi các đơn vị trực tiếp thực hiện để lấy kết quả phục vụ cho việc báo cáo, xây dựng kế hoạch.

- Việc quản lý phân cấp nhiệm vụ KHCN ở các Tổng cục không thống nhất, chưa đồng bộ giữa các lĩnh vực, đơn vị, nhiệm vụ (có Tổng cục Thuyết minh do Vụ KHCN&HTQT và Vụ Kế hoạch Tài chính ký, có Tổng cục 2 Vụ và Lãnh đạo Tổng cục ký; công tác kiểm tra có Tổng cục phê duyệt Quyết định, có Tổng cục không phê duyệt (theo Thông tư 18 thì không quy định); nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN có Tổng cục trình Bộ phê duyệt Hội đồng, có Tổng cục tự phê duyệt Hội đồng (Thông tư 18 là Bộ phê duyệt),…; quy trình một số bước không thực hiện đúng theo Thông tư 18, không có tiêu chí rõ ràng, đôi khi thêm thủ tục hành chính. Điều này được các đơn vị nghiên cứu phản ánh rất thường xuyên, gây bức xúc,…

- Tổ chức chủ trì không biết phối hợp thế nào, quá nhiều đầu mối, cơ quan nào chủ trì và cơ quan nào phối hợp quản lý; quá nhiều báo cáo, lúc báo cáo Tổng cục, lúc báo cáo Bộ (trường hợp này Tổ chức chủ trì lại phải báo cáo cả Tổng cục để Tổng cục lấy số liệu làm báo cáo của Tổng cục cho Bộ).

*1.3.2. Phân cấp cho các tổ chức khoa học trực thuộc Bộ, bộc lộ một số hạn chế, tồn tại:*

- Thủ trưởng tổ chức KHCN chưa nghiêm túc tổ chức các Hội đồng KHCN cấp Viện, Trường để rà soát, đánh giá các ý tưởng của các nhà khoa học, đặt hàng với Bộ, dẫn đến chất lượng đề xuất không cao, đề xuất quá nhiều; chưa chỉ đạo, giám sát và quản lý tốt trong quá trình thực hiện; đánh giá và nghiệm thu sản phẩm cấp cơ sở còn mang tính hình thức.

- Quản lý nhiệm vụ KHCN tại Viện trực thuộc Viện xếp hạng đặc biệt còn nhiều thủ tục, chưa có quy chế nội bộ rõ ràng, chưa mạnh dạn phân cấp đối với đơn vị cấp dưới; chưa chủ động thẩm định, đánh giá trước khi gửi Bộ mà chủ yếu làm thủ tục chuyển Bộ xử lý.

- Các phòng ban chức năng chưa phải là đơn vị hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị thành viên triển khai nhiệm vụ; mỗi đơn vị quản lý theo cách riêng của mình.

- Quy trình quản lý nhiệm vụ KHCN của Bộ thuộc các Viện trực thuộc Bộ chưa thống nhất, trong đó khác biệt lớn nhất là 03 Viện đặc biệt. Theo phân giao tài chính như hiện nay có Viện đặc biệt không giữa được vai trò chỉ đạo, điều hành, kiểm tra giám sát được việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN các Viện thành viên, có Viện đã buông bỏ một số nhiệm vụ được giao như: đề xuất đặt hàng, ký thuyết minh và hợp đồng, báo cáo thực hiện nhiệm vụ KHCN,…

- Chưa thống nhất ký thuyết minh, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN; Quá trình giám sát, kiểm tra đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN (có đơn vị kiểm tra có sự tham gia của cả cơ quan quản lý, có đơn vị kiểm tra riêng rẽ); Đánh giá, nghiệm thu cũng không thống nhất.

***2.4. Chưa cập nhật các quy định mới trong quản lý KHCN***

- Thông tư 18 khi xây dựng đã vận dụng một số những biểu mẫu và quy định trong các văn bản quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại một số văn bản của Bộ Khoa học và Công nghệ đã được thay thế, vì thế cần phải thay đổi cho phù hợp;

- Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước và các Văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định 70/2018/NĐ-CP chưa được quy định trong Thông tư 18 nên cần phải bổ sung trong dự thảo Thông tư mới;

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC của Bộ KHCN và Bộ Tài chính về quy định khoán chi nhiệm vụ KHCN; Căn cứ Quyết định số 4889/QĐ-BNN-TC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quyết định số 1574/QĐ-BNN-TC ngày 07/5/2018, Quyết định số 1826/QĐ-BNN-TC ngày 22/5/2018 và Quyết định 1588/QĐ-BNNTCCB ngày 09/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, ***theo hướng “phân bổ dự toán thu, chi năm kế hoạch đến từng nhiệm vụ và từng đơn vị sử dụng ngân sách”***. Vì vậy xem xét xác định một chủ thể để thống nhất cả nội dung Khoa học và Tài chính là rất cần thiết.

***2.5. Chưa đáp ứng một số yêu cầu thực tiễn***

- Bổ sung tiêu chí, nâng cao vai trò, gắn trách nhiệm của Hội đồng KHCN và Ban KHCN chuyên ngành của Bộ trong việc xác định các trọng tâm ưu tiên, tham gia các Hội đồng tư vấn xây dựng đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KHCN,…

- Quy định cụ thể vai trò và gắn trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN để nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm, tăng cường chuyển giao sản phẩm phục vụ sản xuất.

- Bổ sung yêu cầu báo cáo, kiểm tra nhiệm vụ KHCN sau nghiệm thu (hậu kiểm) làm cơ sở cho việc báo cáo, đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ; kịp thời giao kết quả nhiệm vụ KHCN (không được cơ quan chủ trì chuyển giao) cho các doanh nghiệp để thực hiện chuyển giao khi có yêu cầu.

- Bổ sung quy định về tổ chức tuyên truyền, phổ biến kết quả nghiên cứu, chuyển giao KHCN của Bộ NN&PTNN (ngày KHCN, Hội nghị, Hội thảo, in ấn xuất bản…..).

- Bổ sung mã số của nhiệm vụ KHCN phục vụ công tác thống kê, tra cứu được thuận lợi, tiến tới tin học hóa CSDL về KHCN của Bộ.

**2. Chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; ý kiến của các cơ quan quản lý, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ làm cơ sở sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện**

***2.1. Các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước***

- Luật số 29/2013/QH13 về Khoa học và Công nghệ.

- Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KHCN.

- Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

- Các Văn bản QPPL hướng dẫn thị hành Luật KHCN 2013 và Nghị định 08 và Nghị định 70 và các Văn bản QPPL liên quan.

***2.2. Ý kiến của các Bộ liên quan đến hoạt động KHCN***

*2.2.1. Sự cần thiết ban hành Thông tư mới*

- Ý kiến của Bộ Tư pháp: Hiện nay đã ban hành Luật KHCN, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, nghị định số 95/2014/NĐ-CP về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KHCN, Nghị định số 11/2014/NĐ-CP quy định về hoạt động thông tin KHCN và các Thông tư của Bộ trưởng Bộ KHCN. Vì vậy, Bộ Tư pháp cho rằng ngành nông nghiệp và PTNT có thể căn cứ vào các quy định của các văn bản pháp luật nêu trên để quản lý hoạt động KHCN của ngành mà không cần thiết ban hành thông tư. Trường hợp các quy định tại văn bản không đáp ứng được đặc thù trong quản lý nhiệm vụ KHCN của Bộ thì cần làm rõ vướng mắc, bất cập, trên cơ sở đó kiến nghị sửa đổi bổ sung hoặc ban hành thông tư quy định những nội dung nhằm giải quyết các vướng mắc đó.

- Ý kiến của Vụ KHCN&MT: Cần thiết phải ban hành Thông tư thay thế Thông tư 18 với những lý do sau: Ban hành Thông tư riêng để quản lý các nhiệm vụ KHCN đặc thù của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Cập nhật, bổ sung các văn bản QPPL mới trong hoạt động KH&CN như: quản lý khoa học, tài chính, quản lý tài sản, chuyển giao sản phẩm,…; Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư mới mở rộng hơn so với Thông tư 18 (bổ sung thêm việc hướng dẫn quản lý nhiệm vụ tiềm năng, Chương trình KHCN cấp Bộ, Dự án KHCN cấp Bộ, đề án KHCN cấp Bộ, nhiệm vụ về bảo tồn hàng năm về quỹ gen cấp Bộ…)

*2.2.2. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh*

- Ý kiến của Bộ Tư pháp: Đề nghị cân nhắc không quy định các nhiệm vụ như: Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng; Nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ cấp Bộ; Nhiệm vụ tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, sửa chữa chống xuống cấp cho các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ, bao gồm dự án tăng cường trang thiết bị và nhiệm vụ sửa chữa chống xuống cấp,… vì các nội dung này đã được quy định tại các văn bản pháp luật khác.

- Ý kiến của Vụ KHCN&MT: Đồng ý với ý kiến của Bộ Tư pháp bỏ quy định hướng dẫn quản lý Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng; hướng dẫn quản lý nhiệm vụ tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

*2.2.3. Phân cấp quản lý nhiệm vụ KHCN*

Bộ Tài chính, Bộ KHCN có ý kiến việc Phân cấp cho các Tổng cục theo dõi quản lý đề tài, dự án; Phân cấp cho các đơn vị ký hợp thuyết minh và ký hợp đồng, theo dõi, nghiệm thu các nhiệm vụ tiềm năng; Phân cấp cho các đơn vị tự kiểm tra định kỳ hàng năm ***là trái với các quy định tại Luật KHCN 2103 và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.***

Theo quy định, việc quản lý nhiệm vụ KHCN được thực hiện như sau:

(1) Điểm b khoản 2 Điều 27 Luật KHCN quy định “***Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương*** và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh”.

(2) Nghị định số 08/2014/NĐ-CP quy định:

- Khoản 2 Điều 26 quy định nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước cấp Bộ: *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp bộ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở* ***Trung ương phê duyệt và ký hợp đồng*** *thực hiện nhiệm vụ, bao gồm: a) Chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ; b) Đề án khoa học cấp bộ; c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ; d) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ; đ) Dự án khoa học và công nghệ cấp bộ; e) Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ.*

- Khoản 1 Điều 36 quy định về kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN: “***Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp theo thẩm quyền*** *phải tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí. Trong trường hợp cần thiết người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có thể điều chỉnh nội dung khoa học, tiến độ và phương thức sử dụng kinh phí thực hiện cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình*”.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**1. Mục đích**

Để kịp thời cập nhật, bổ sung các quy định mới trong hoạt động KHCN; tăng cường vai trò, gắn trách nhiệm tối đa cho Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân; phân cấp, giao trách nhiệm cho Thủ trưởng đơn vị chủ trì tạo thuận lợi cho việc triển khai, giảm thủ tục hành chính, tập trung nguồn lực thực hiện các sản phẩm theo đặt hàng; nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

- Cập nhật, bổ sung, điều chỉnh kịp thời các quy định mới trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, bảo đảm đúng quy định pháp luật, chặt chẽ, hiệu quả.

- Tăng cường phân cấp trên nguyên tắc giảm tối đa các thủ tục hành chính, khâu trung gian, gắn trách nhiệm cho Thủ trưởng tổ chức chủ trì.

- Nâng cao vai trò và trách nhiệm chất lượng cơ quan quản lý khoa học, tổ chức chủ trì thực hiện, Hội đồng KHCN Bộ, chuyên gia trong tư vấn đặt hàng, kiểm soát quá trình thực hiện, đánh giá nghiệm thu chất lượng sản phẩm cuối cùng theo đặt hàng và chuyển giao kết quả phục vụ sản xuất.

**III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

Dự thảo Thống tư mới thay thế Thông tư 18/2015/TT-BNNPTNT quy định một số nội dung điều chỉnh, bổ sung như sau:

**1. Bổ sung phạm vi điều chỉnh, quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Bộ**

***1.1. Nội dung***

Bổ sung phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Luật KHCN 2013 và Nghị định 08 Hướng dẫn Luật KHCN, cụ thể đã bổ sung quản lý 05 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ có sử dụng ngân sách nhà nước nguồn sự nghiệp KHCN: (i) Đề án khoa học cấp bộ, (ii) Dự án khoa học và công nghệ cấp bộ, (iii) Chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, (iv) Nhiệm vụ thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen, (v) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp bộ.

***1.2. Đánh giá tác động của các quy định mới:***

Việc bổ sung 05 loại nhiệm vụ KHCN cấp Bộ đảm bảo đúng quy định pháp luật, thuận lợi triển khai các loại hình nhiệm vụ KHCN, có thể huy động bổ sung nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ KHCN và đặc biệt là phát triển KHCN đáp ứng yêu cầu sản xuất. Khắc phục được những hạn chế sau:

- Việc không xây dựng được Chương trình KHCN cấp Bộ và Dự án KHCN cấp Bộ nên một vấn đề hoặc nhóm vấn đề KHCN phục vụ sản xuất chưa được giải quyết tập trung, hình thành một số sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm chủ lực trọng điểm tạo ra sản phẩm cuối cùng để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; rất khó kêu gọi Bộ KHCN, Bộ Tài chính bố trí nguồn kinh phí lớn hơn so với kế hoạch hàng năm; không liên kết được các tổ chức KHCN và đặc biệt là huy động nguồn lực từ doanh nghiệp tham gia.

- Việc không xây dựng được Đề án khoa học cấp bộ nên khi lãnh đạo Bộ giao một hoặc một nhóm nội dung nhằm xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực quản lý của Bộ đều khó bố trí kinh phí từ nguồn sự nghiệm khoa học để triển khai, quy trình quản lý không có.

- Thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen nông, lâm nghiệp và thủy sản do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý hiện chưa có văn bản quản lý. Nhiệm vụ này bên phía Bộ Khoa học và Công nghệ được quy định quản lý như nhiệm vụ KHCN và theo các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ. Vì vậy Thông tư này kiến nghị bổ sung quy định quản lý nhiệm vụ này như nhiệm vụ KHCN cấp Bộ.

- Đề tài KHCN tiềm năng cấp Bộ hiện nay quản lý theo Quyết định số 3978/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phân cấp quản lý đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng, đã triển khai thực hiện được 02 năm. Thông tư này sẽ bổ sung các nội dung của Quyết định này để bảo đảm tính pháp lý cao hơn, thống nhất trong quản lý KHCN của Bộ.

**2. Bổ sung phạm vi điều chỉnh, quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia**

***2.1. Nội dung***

Để bám sát các nhiệm vụ trọng tâm trọng điểm của Bộ và đáp ứng nhu cầu thực tiễn, tránh trùng lắp, dự thảo Thông tư đề xuất bổ sung thêm 02 nội dung:

(i) Bổ sung quy định quản lý nhiệm vụ KHCN thuộc các Chương trình KHCN cấp quốc gia giao Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý, cụ thể:

Nhiệm vụ KHCN thuộc các Chương trình KHCN cấp quốc gia được thực hiện theo các Văn bản hướng dẫn của từng Chương trình KHCN cấp Quốc gia, thành phần Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn/giao tực tiếp, đánh giá nghiệm thu thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc các Chương trình KHCN cấp quốc gia được thực hiện theo quy định Thông tư này.

(ii) Bổ sung quy định đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia có liên quan đến ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do các Bộ, ngành khác quản lý, cụ thể:

- Các tổ chức KHCN trực thuộc Bộ và cá nhân khác đề xuất nhiệm vụ KHCN có liên quan đến ngành, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gửi đề xuất về Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) để xem xét đặt hàng;

- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp đề xuất, lấy ý kiến các đơn vị liên quan, chuyên gia độc lập (nếu cần) hoặc thành lập hội đồng tư vấn, trình Bộ đề xuất đặt hàng gửi các Bộ, ngành.

***2.2. Đánh giá tác động của các quy định mới***

Việc bổ sung quy định trong dự thảo Thông tư vẫn đảm bảo đúng quy định pháp luật; bố trí các nhiệm vụ cấp Quốc gia, cấp Bộ để giải quyết được nhiều vấn đề trọng tâm; nâng cao chất lượng các nhiệm vụ KHCN đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Cụ thể:

(i) Về quy định quản lý nhiệm vụ KHCN thuộc các Chương trình KHCN cấp quốc gia:

Hiện nay các Chương trình KHCN cấp quốc gia đều có các văn bản hướng dẫn thực hiện riêng, vì vậy nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình KHCN cấp quốc gia do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý vẫn phải thực hiện theo các văn bản đó. Tuy nhiên để nâng cao chất lượng các nhiệm vụ KHCN đó, Thông tư này quy định thành phần Hội đồng để bảo đảm có đầy đủ pháp lý, thống nhất quy trình thực hiện, giải quyết các vấn đề trọng tâm phát triển KHCN, ứng dụng KHCN phục vụ ngành nông nghiệp, tránh trùng lắp, nâng cao chất lượng đặt hàng và kết quả được chuyển giao phục vụ sản xuất.

(ii) Về đặt hàng nhiệm vụ cấp Quốc gia do các Bộ, Ngành khác quản lý

Theo quy định của Luật KHCN và Thông tư hướng dẫn, Bộ chuyên ngành cũng là cơ quan đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia. Vì vậy, Bộ sẽ trực tiếp hoặc rà soát trên cơ sở đề xuất của các đơn vị trực thuộc Bộ để đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia liên quan đến ngành Nông nghiệp (do các Bộ/ngành khác quản lý) để bảo đảm bám sát các nhiệm vụ trọng tâm trọng điểm của Bộ, tránh trùng lắp - lãng phí nguồn lực, bảo đảm chất lượng đặt hàng và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Các tổ chức, cá nhân trực thuộc Bộ cũng có thể gửi trực tiếp đề xuất nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia cho các Bộ, ngành khác để thực hiện.

**3. Bổ sung tiêu chí, vai trò trách nhiệm của Hội đồng KHCN Bộ, Ban KHCN chuyên ngành; nâng cao chất lượng các Hội đồng tư vấn nhiệm vụ KHCN**

***3.1. Nội dung***

- Bổ sung quy định về 02 Hội đồng, gồm: Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành; quy định tiêu chí, vai trò, gắn trách nhiệm của Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành.

- Sử dụng thành viên Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ KHCN tham gia trong suốt quá trình thực hiện để nâng cao chất lượng các Hội đồng tư vấn nhiệm vụ KHCN, gồm: xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, kiểm tra giữa kỳ và đánh giá nghiệm thu.

***3.2. Đánh giá tác động của các quy định mới***

Thành phần Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT thành lập gồm: Lãnh đạo các Tổng cục, Cục tham gia là thành viên KHCN Bộ hoặc Chủ tịch của Ban KHCN chuyên ngành; các thành viên Hội đồng đến từ cơ quan quản lý, Viện, Trường, doanh nghiệp và địa phương,… đều là những người có uy tín, đạo đức, có trình độ, chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm.

Các thành viên Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành quy định cụ thể chức năng, vai trò, trách nhiệm tham gia vào các Hội đồng tư vấn nhiệm vụ KHCN, gồm: xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, kiểm tra giữa kỳ và đánh giá nghiệm thu,… sẽ có vai trò và gắn trách nhiệm cao hơn trong công tác tư vấn của mình, giúp nâng cao chất lượng các Hội đồng tư vấn, từ đó giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ KHCN.

Việc bổ sung quy định trong dự thảo Thông tư vẫn đảm bảo đúng quy định pháp luật, tính pháp lý cao hơn, hoạt động của các thành viên Hội đồng KHCN Bộ và Ban KHCN chuyên ngành thường xuyên hơn, gắn vai trò và trách nhiệm cao hơn trong công tác tư vấn nhiệm vụ KHCN của mình, từ đó giúp nâng cao chất lượng hoạt động nhiệm vụ KHCN.

**4. Quy định tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ**

***4.1. Nội dung***

***Phương án I:***

Theo Luật KHCN 2013, Nghị định 08 và các Thông tư quản lý KHCN, Tài chính liên quan đến KHCN, Thông tư chỉ quy định duy nhất một chủ thể là ***Tổ chức chủ trì*** thực hiện nhiệm vụ KHCN.

***Tổ chức chủ trì*** là tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ và các đơn vị ngoài Bộ được giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Các Tổ chức cấp trên của ***Tổ chức chủ trì*** không tham gia ký thuyết minh và hợp đồng nghiên cứu để tránh chồng chéo và tăng thêm thủ tục hành chính không cần thiết.

Bộ trưởng giao Thủ trưởng Tổ chức cấp trên trực thuộc Bộ việc đôn đốc, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, tổng hợp báo cáo (khi có yêu cầu của Bộ) như quản lý các nguồn lực khác; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật về những nhiệm vụ được giao. Tổ chức cấp trên xây dựng văn bản quản lý nội bộ để tổ chức thực hiện tốt, hiệu quả các nhiệm vụ Bộ giao.

***Phương án II***

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN có 02 tổ chức tham gia phê duyệt Thuyết minh và ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN là:

1. ***Tổ chức chủ trì*** là tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ KHCN.

2. ***Đơn vị quản lý cấp trên/trực tiếp*** là đơn vị trực thuộc Bộ (đơn vị giao dự toán cấp II của Bộ) được giao quản lý tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN.

***4.2. Đánh giá tác động của các quy định mới***

***Phương án I***

Đúng theo Luật KHCN 2013, Nghị định 08 và các Thông tư quản lý KHCN, Tài chính liên quan đến KHCN, Thông tư chỉ quy định duy nhất một chủ thể là ***Tổ chức chủ trì*** thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Khắc phục được những tồn tại, hạn chế đã được phân tích tại mục 1..2 và mục 1.3.2.

Giảm các thủ tục hành chính do không phải ký quá nhiều chữa ký.

Rút ngắn thời gian phê duyệt.

***Phương án II***

Thực hiện theo phương án này có một số tồn tại:

(i) Nếu ***Đơn vị quản lý cấp trên*** (Viện xếp hạng đặc biệt, Viện, Học viện, Trường là đơn vị trực thuộc Bộ) được giao thực hiện nhiệm vụ KHCN thì lúc đó lại có vai trò là ***Tổ chức chủ trì*** nữa (2 vai), việc ký Thuyết minh và Hợp đồng sẽ không thống nhất giữa các đơn vị thuộc Bộ,…;

(ii) Nếu đơn vị cấp 3 (thường là Trung tâm) của Viện xếp hạng đặc biệt, Học Viện, Trường được giao là ***Tổ chức chủ trì*** thì sự tham gia, trách nhiệm của đơn vị quản lý trực tiếp thế nào chưa rõ

(iii) Không thống nhất việc ký thuyết minh và hợp đồng; kiểm tra trong quá trình thực hiện, tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN,…

**5. Đổi mới công tác xây dựng Danh mục đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp Bộ**

***5.1. Nội dung***

1. Định kỳ cuối của năm thực hiện, Bộ tổ chức cuộc họp với Hội đồng KHCN Bộ để xác định hướng nghiên cứu, ứng dụng KHCN của năm kế hoạch; xác định các vấn đề ưu tiên để các tổ chức, cá nhân đề xuất các nhiệm vụ KHCN.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường rà soát, tổng hợp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN của các tổ chức, cá nhân, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

3. Lãnh đạo Bộ phụ trách chủ trì tổ chức họp xác định danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN ưu tiên thực hiện (Danh sách ngắn). Thành phần tham gia cuộc họp gồm: Ban KHCN chuyên ngành, đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng cục, Cục, các đơn vị liên quan và một số chuyên gia liên quan (nếu cần).

4. Trên cơ sở Danh sách ngắn, giao Vụ KHCN&MT trình Bộ thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng Danh mục nhiệm vụ KHCN, gồm: Tên, mục tiêu, yêu cầu chỉ tiêu đối với kết quả, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện.

***5.2. Đánh giá tác động của các quy định mới***

Thực hiện theo hình thức này sẽ khắc phục được các tồn tại, hạn chế như đã phân tích ở điểm (i) mục 1.3.1. Bên cạnh đó có một số hiệu quả sau:

- Hội đồng KHCN Bộ họp giúp định hướng các vấn đề trọng tâm của năm kế hoạch, trên cơ sở đó các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ KHCN sẽ tập trung hơn, chất lượng đề xuất nhiệm vụ KHCN sẽ cao hơn, hiệu quả đề xuất các nhiệm vụ đưa vào thực hiện sẽ cao hơn; Đề xuất tập trung nên số lượng sẽ giảm, không lãng phí thời gian của tổ chức, cá nhân do không phải đề xuất các nhiệm vụ không đúng trọng tâm, dàn trải,…

- Sử dụng Ban KHCN chuyên ngành đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí của Hội đồng tư vấn nên sẽ bảo đảm Danh mục lựa chọn trọng tâm, bao quát toàn lĩnh vực, chất lượng bảo đảm, khách quan trong việc lựa chọn các nhiệm vụ,…

- Bộ thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng đặt hàng nhiệm vụ với thành phần Hội đồng là một số thành viên Ban KHCN chuyên ngành phù hợp, đại diện đơn vị thuộc lĩnh vực nghiên cứu, chuyên gia, doanh nghiệp/địa phương liên quan,… và theo yêu cầu của Cơ quan quản lý KH sẽ giúp xây dựng đặt hàng nhiệm vụ KHCN bảo đảm đúng theo quy định, đặc biệt là rõ các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đặt hàng.

**6. Phân cấp quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Bộ cho các Tổng cục** (phê duyệt thuyết minh, ký hợp đồng, kiểm tra trong quá trình thực hiện, đánh giá nghiệm thu)

***6.1. Nội dung***

***Phương án 1:***

**Không phân cấp** quản lý nhiệm vụ KHCN cho các Tổng cục, vì những lý do đã được nêu ở mục 1.3.1 và muc 2 phần I: **Không phù hợp** với các quy định của Luật KHCN 2013, Nghị định 08/2014/NĐ-CP; Thêm quản lý trung gian, thành 2 cấp hành chính, phát sinh nhiều thủ tục hành chính, gây rất nhiều khó khăn phức tạp cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN; Quy trình không thống nhất, tiến độ thường chậm, chất lượng quản lý chưa đảm bảo quy trình, báo cáo chậm hoặc không đạt yêu cầu,…

***Phương án 2:***

Phân cấp theo Thông tư 18 hiện nay, gồm: phê duyệt thuyết minh, ký hợp đồng, kiểm tra trong quá trình thực hiện, đánh giá nghiệm thu.

***6.2. Đánh giá tác động của các quy định mới***

***Phương án 1:***

**Không phân cấp** quản lý nhiệm vụ KHCN cho các Tổng cục, để bảo đảm đúng quy định của Luật KHCN 2013, Nghị định 08/2014/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ KHCN, Bộ Tài chính; Không phát sinh thêm cơ quan quản lý trung gian, thành 2 cấp hành chính, phát sinh nhiều thủ tục hành chính, gây rất nhiều khó khăn phức tạp cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN; Quy trình không thống nhất, tiến độ thường chậm, chất lượng quản lý chưa đảm bảo quy trình, báo cáo chậm hoặc không đạt yêu cầu; thất thoát tài chính, không hiệu quả.

***Phương án 2:***

- Ưu điểm: Ổn định tổ chức như hiện nay.

- Nhược điểm: Vẫn tồn tại, hạn chế như phân tích ở điểm (ii) mục *1.3.1* và mục *2.2.3.*

**7. Quản lý Đề tài tiềm năng cấp Bộ**

***7.1. Nội dung***

Đề tài tiền năng cấp Bộ là dạng đặc thù có tính thăm dò, tạo ra vật liệu khởi đầu, tạo ra sản phẩm trung gian là tiền đề thực hiện đề tài cấp Bộ, dự án KHCN cấp Bộ hoặc các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc quốc gia; tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có trình độ tham gia nghiên cứu, hướng nghiên cứu chủ yếu thuộc chức năng nghiên cứu của đơn vị, giúp nâng cao năng lực KHCN cho các đơn vị nghiên cứu thuộc Bộ, vì vậy nội dung quản lý được thực hiện như sau:

*(i) Bộ: phê duyệt đặt hàng Danh mục đề tài tiềm năng cấp Bộ; phê duyệt Danh mục và kinh phí thực hiện đề tài tiềm năng cấp Bộ; đánh giá, nghiệm thu các sản phẩm đề tài tiềm năng cấp Bộ; Công nhận kết quả thực hiện đề tài tiềm năng cấp Bộ.*

*(ii) Phân cấp, giao nhiệm vụ cho Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Giám đốc Viện xếp hạng đặc biệt, Viện trưởng các Viện, Giám đốc Học viện và Hiệu trưởng trường Đại học trực thuộc Bộ thực hiện một số nhiệm vụ quản lý đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:*

- Thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ đề tài tiềm năng cấp Bộ của các đơn vị trực thuộc (đã được Bộ trưởng giao trong Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ), trình Bộ thẩm định, phê duyệt Danh mục và kinh phí thực hiện.

- Phê duyệt thuyết minh, ký hợp đồng, kiểm tra và thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài tiềm năng cấp Bộ của các đơn vị trực thuộc trong Danh mục và kinh phí thực hiện đã được Bộ phê duyệt.

- Điều chỉnh nội dung thuyết minh đề tài tiềm năng cấp Bộ không làm thay đổi mục tiêu, sản phẩm và kinh phí đã được Bộ phê duyệt.

***7.2. Đánh giá tác động của các quy định mới***

(i) Nội dung Bộ thực hiện (i) trên để bảo đảm đúng quy định pháp luật; đặt hàng nhiệm vụ bảo đảm đúng trọng tâm, tránh trùng lắp, yêu cầu chỉ tiêu chất lượng các sản phẩm theo quy định; đánh giá, nghiệm thu để kiểm soát chất lượng theo đặt hàng và xem xét trình Bộ những nhiệm vụ có triển vọng phát triển để tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện ở cấp cao hơn.

(ii) Đề tài tiềm năng có quy mô nhỏ, vấn đề nghiên cứu thường mới thuộc chuyên môn sâu của đơn vị đề xuất, vì vậy giao Thủ trưởng đơn vị cấp trên các nội dung trên vẫn đảm bảo chất lượng nghiên cứu, giảm bớt các thủ tục hành chính trung gian, có trách nhiệm với kết quả nghiên cứu của mình.

Đề tài KHCN tiềm năng cấp Bộ đã được triển khai năm 2020, tuy nhiên mới có văn bản phân cấp quản lý dạng Quyết định, cần phải quản lý bằng văn bản QPPL (Thông tư).

**8. Bổ sung nội dung xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ nghiên cứu KHCN (theo quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP)**

1. Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước được quản lý theo các quy định: Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 18/8/2020 của Bộ KHCN hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư số 63/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các văn bản hiện hành liên quan.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định đối với đề nghị của tổ chức, cá nhân chủ trì; trình Bộ trưởng xem xét, quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không có đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng, hoặc không có khả năng nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường báo cáo Bộ trưởng để giao cho tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu theo quy định.

**9. Bổ sung nội dung kiểm tra nhiệm vụ KHCN sau nghiệm thu (hậu kiểm)**

***9.1. Nội dung***

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra nhiệm vụ KHCN sau nghiệm thu thông qua phương thức sau:

a) Tính từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được nghiệm thu chính thức, định kỳ 12 tháng một lần và trong giai đoạn 5 năm liên tiếp, tổ chức chủ trì nhiệm vụ hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu cho đơn vị quản lý trực tiếp để xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả ứng dụng các nhiệm vụ KHCN gửi Bộ (qua Vụ KHCN&MT) để tổng hợp, báo cáo Bộ;

b) Trên cơ sở báo cáo của tổ chức chủ trì thực hiện, Bộ lựa chọn và tổ chức kiểm tra thực địa triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của một số nhiệm vụ KHCN;

c) Kiểm tra đột xuất khi có khiếu nại, tố cáo về việc ứng dụng kết quả nhiệm vụ KHCN.

2. Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN không thực hiện trách nhiệm báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN bị hạn chế tham gia thực hiện các nhiệm vụ KHCN.

***9.2. Đánh giá tác động của các quy định mới***

Bổ sung theo Nghị định 08;

Giúp cho việc đánh giá hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng kết quả nghiên cứu phục vụ ngành;

Đánh giá hiệu quả hoạt động KHCN của tổ chức KHCN trong việc nghiên cứu, chuyển giao các kết quả nghiên cứu của đơn vị phục vụ sản xuất.

Đặt nền tảng cho công việc quản lý, giám sát tiến trình nghiên cứu; giúp đánh giá tác động và ý nghĩa thiết yếu của hoạt động nghiên cứu, cũng như rút kinh nghiệm để điều chỉnh chính sách NCKH và gợi ý cho những hướng nghiên cứu trong tương lai.

**10. Tổ chức phố biến kết quả nghiên cứu, chuyển giao KHCN ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn**

***10.1. Nội dung***

1. Khuyến khích các tổ chức KHCN, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN đăng tải, phổ biến kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KHCN trên các phương tiên thông tin đại chúng.

2. Hàng năm, các tổ chức KHCN tổ chức đánh giá, trao đổi, tuyên truyền phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ do tổ chức mình chủ trì thực hiện.

3. Vụ KHCN&MT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

a) Định kỳ 03 năm một lần xuất bản các kết quả nghiên cứu nổi bật của các hoạt động KHCN.

b) Định kỳ 3 năm một lần, tổ chức hội nghị, hội thảo đánh giá công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nông nghiệp.

***10.2. Đánh giá tác động của các quy định mới***

Kịp thời phố biến kết quả nghiên cứu, đẩy mạnh công tác chuyển giao KHCN trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

**12. Bổ sung mã số của nhiệm vụ KHCN**

***12.1. Nội dung***

Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ được ký hiệu riêng để mã hóa, theo dõi, quản lý cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ của Bộ, cụ thể:

1. Mã số nhiệm vụ cấp Bộ được ghi như sau: ĐTKHCN.XX/YY, ĐAKH.XX/YY; DASXTN.XX/YY; DAKHCN.XX/YY; CTKHCN.XX/YY; NVQG.XX/YY; ĐTTN.XX/YY, trong đó:

a) ĐTKHCN là ký hiệu chung cho các đề tài;

b) ĐAKH là ký hiệu chung cho các đề án;

c) DASXTN là ký hiệu chung cho các dự án SXTN;

d) DAKHCN là ký hiệu chung cho các dự án KHCN;

đ) CTKHCN là ký hiệu chung cho các chương trình;

e) NVQG là ký hiệu chung cho các nhiệm vụ quỹ gen;

g) ĐTTN là ký hiệu chung cho các đề tài tiềm năng;

h) Nhóm XX là nhóm chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ KHCN được ghi trong Quyết định đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp bộ;

i) Nhóm YY là nhóm chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ KHCN;

k) Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự các nhiệm vụ là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.

***12.2. Đánh giá tác động của các quy định mới***

Giúp công khai minh bạch, tránh trùng lặp, giảm các giấy tờ, phục vụ cho báo cáo, phân tích, xây dựng kế hoạch; hướng đến chính phủ số.

**13. Quy định cụ thể vai trò và gắn trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân** liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN để nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm, tăng cường chuyển giao sản phẩm phục vụ sản xuất.

**IV. KẾT LUẬN**

Kết quả phân tích, đánh giá tác động các quy định mới trong dự thảo Thông tư được xây dựng phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và khắc phục được những hạn chế, bất cập của Thông tư 18.

Nhìn chung các quy định mới trong dự thảo Thông tư là phù hợp với xu thế phát triển và thực tiễn sản xuất ở nước ta hiện nay. Phương pháp tiếp cận đổi mới theo hướng thuận lợi trong thực hiện và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Do vậy các chính sách mới có tính khả thi cao.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của các quy định mới trong dự thảo./.